

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Luận.

2. Ông Nguyễn Văn Lem.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản khai; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Đ sống chung với nhau từ năm 1995, sau đó mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/9/1996. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm không còn; ông Đ thường xuyên đánh đập, hành hạ bà. Ông bà đã sống ly thân khoảng 09 năm nay. Nay bà

xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có một con chung tên Nguyễn Minh S, sinh ngày 06/6/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc làm ăn nên bà xin vắng mặt trong vụ án “Ly hôn” giữa bà và ông Đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông Đ đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ, ông Đ đang cư trú tại xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà H và bị đơn ông Đ.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông Đ sống chung với nhau từ năm 1995, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/9/1996 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, theo bà H trình bày thì đến đầu năm 2015 giữa bà và ông Đ có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm không còn; ông Đ thường xuyên đánh đập, hăm dọa bà; ông bà đã sống ly thân khoảng 09 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời bà H và ông Đ đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà H xác định không còn tình cảm với ông Đ và kiên quyết xin ly hôn, ông Đ đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy, trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông Đ đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;

không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời bà H và ông Đ đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà H xác định không còn tình cảm với ông Đ và kiên quyết xin ly hôn; ông Đ đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện ông Đ đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H. Mặt khác, bà H và ông Đ đã sống ly thân thời gian dài nhưng đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà H và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông Đ.

[4] Về con chung:

Bà H và ông Đ có một con chung tên Nguyễn Minh S, sinh ngày 06/6/1996, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà H khai không có; ông Đ vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà H phải nộp. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 277, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn Đ có một con chung tên Nguyễn Minh S, sinh ngày 06/6/1996, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H trình bày không có; ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Lê Thị H phải nộp. Tuy nhiên, bà Lê Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004838 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yên